

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHƯỚC  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 16/01/2023.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi  
con chung khi ly hôn.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Thuyền.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Dũ.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hạnh Liêm –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 204/2022/TLST-HN ngày 21 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HN ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2023/QĐST-HN ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Anh **Huỳnh Văn Th**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp A, xã TT, huyện TP, tỉnh TG (xin vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Chị **Võ Thị Mộng T**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp THP, xã THT, huyện TP1, tỉnh TG1 (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\*Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Huỳnh Văn Th trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Năm 2006, anh và chị T được sự đồng ý của hai bên gia đình đã tổ chức lễ cưới đến năm 2008 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn số 33 ngày

01/12/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống không hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống đã nhiều lần khắc phục nhưng không đạt được. Anh chị đã ly thân từ năm 2008 cho đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn nên anh xin ly hôn với chị Võ Thị Mộng T.

Về nuôi con chung: Thời gian sống chung anh chị có một con chung Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 19/9/2006; con chung đang sống cùng anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

**\*Bị đơn Võ Thị Mộng T:**

Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến khi mở phiên tòa, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và triệu tập họp lệ nhưng chị T vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn Th tranh chấp yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với bị đơn chị Võ Thị Mộng T, địa chỉ: ấp THP, xã THT, huyện TP1, tỉnh TG nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh Huỳnh Văn Th có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Võ Thị Mộng T đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai

mà vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Huỳnh Văn Th và chị Võ Thị Mộng T sống chung năm 2006 đến năm 2008 có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã TT, huyện TP, tỉnh TG cấp giấy chứng nhận kết hôn; quan hệ hôn nhân giữa anh Th và chị T là hôn nhân hợp pháp. Xét tình cảm giữa anh chị sống chung hạnh phúc được thời gian ngắn sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo anh Th là do anh chị bất đồng quan điểm sống, không phù hợp tính tình. Anh chị ly thân từ năm 2008 đến nay, thời gian ly thân anh chị không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau cũng như không hàn gắn tình cảm vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổ chức hòa giải để hàn gắn đoàn tụ nhưng chị T không đến và cũng không có văn bản trình bày ý kiến; nay anh Th xin ly hôn do không còn tình cảm với chị T, điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Huỳnh Văn Th.

[4] Về nuôi con chung: Thời gian sống chung, anh chị có một con chung Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 19/9/2006. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Th, khi ly hôn anh Th yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay cháu Mỹ D đang sống ổn định cùng anh Th. Anh Th có chỗ ở ổn định và có điều kiện để nuôi dưỡng con chung, con chung có nguyện vọng sống cùng anh Th nên cần thiết tiếp tục giao con chung cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng để ổn định cuộc sống cho con chung. Căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Th, giao con chung Huỳnh Thị Mỹ D cho anh Th trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Th không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Anh Huỳnh Văn Th phải chịu án phí HNST theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Căn cứ vào:**

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56. Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Huỳnh Văn Th ly hôn với chị Võ Thị Mộng T.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Mỹ D, sinh ngày 19/9/2006 cho anh Huỳnh Văn Th trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Võ Thị Mộng T được quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Võ Thị Mộng T chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do chưa có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Anh Huỳnh Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí HNST được khấu trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

0003284 ngày 14/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang. Anh Th đã nộp đủ án phí.

5.Quyền kháng cáo: Anh Th, chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Tân Phước;
- Chi cục THADS huyện Tân Phước;
- Các đương sự;
- UBND xã TT, huyện TP;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Thu Thuyền**